

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Nước khoáng Khánh Hòa theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200283916, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 6 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 7 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 783 359
- Fax : 0258 783 572

Công ty có chi nhánh là Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa – Chi nhánh Miền Bắc đặt tại địa chỉ TT2-35 khu đô thị mới Đại Kim, ngõ 66 đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất đồ uống không cồn, sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trịnh Thị Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2023
Bà Phạm Thị Bích Đào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Trần Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Nga	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2023
Bà Nguyễn Thạch Thảo	Giám đốc tài chính	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024
Ông Trần Văn Phú	Giám đốc điều hành sản xuất	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Nga	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Nga
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2025

Số: 3.0052/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Nha Trang****Phan Thị Ngọc Trâm****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0979-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hàng Quỳnh Hạnh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0963-2023-008-1

Nha Trang, ngày 08 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		185.386.202.159	171.250.186.093
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.821.322.493	2.849.629.868
1. Tiền	111		5.821.322.493	2.849.629.868
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80.700.000.000	80.700.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	74.600.000.000	74.600.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	6.100.000.000	6.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.279.591.111	70.660.788.948
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.430.299.463	3.385.871.157
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.643.322.427	4.231.759.964
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	69.301.708.180	66.070.887.661
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.095.738.959)	(3.027.729.834)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		18.813.194.247	16.554.870.151
1. Hàng tồn kho	141	V.7	18.873.820.651	16.554.870.151
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(60.626.404)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.772.094.308	484.897.126
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.651.001.910	484.897.126
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.121.092.398	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.856.067.428	110.142.768.774
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V5.b	5.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		38.083.854.082	14.055.669.027
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	38.083.854.082	13.792.061.844
- Nguyên giá	222		165.044.047.547	144.238.048.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.960.193.465)	(130.445.986.703)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	263.607.183
- Nguyên giá	228		1.581.643.083	1.581.643.083
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.581.643.083)	(1.318.035.900)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.747.109.522	1.342.172.761
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2.747.109.522	1.342.172.761
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		67.260.031.250	66.060.031.250
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	67.260.031.250	66.060.031.250
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		34.760.072.574	28.684.895.736
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	34.760.072.574	28.684.895.736
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		328.242.269.587	281.392.954.867

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		106.656.951.637	77.214.075.213
I. Nợ ngắn hạn	310		93.756.539.407	66.808.764.783
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	15.652.157.336	18.557.352.324
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	11.368.019.277	243.793.487
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.869.473.324	2.018.539.257
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.569.949.278	5.048.223.168
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	4.499.341.845	551.834.408
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a,c	9.300.016.494	9.230.272.426
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	47.496.801.159	31.157.969.019
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		780.694	780.694
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		12.900.412.230	10.405.310.430
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b,c	8.906.974.601	10.405.310.430
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	3.993.437.629	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		221.585.317.950	204.178.879.654
I. Vốn chủ sở hữu	410		221.585.317.950	204.178.879.654
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	124.999.880.000	124.999.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		124.999.880.000	124.999.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	(538.200)	(538.200)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	13.107.165.852	13.107.165.852
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	83.478.810.298	66.072.372.002
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		66.072.372.002	66.072.372.002
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		17.406.438.296	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		328.242.269.587	281.392.954.867


Nguyễn Ngọc Phương Nga
Người lập


Võ Công Thòa
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Nga
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	214.519.015.385	193.225.035.692
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	463.871.333
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		214.519.015.385	192.761.164.359
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	164.858.838.994	154.548.650.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.660.176.391	38.212.514.099
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.263.234.813	6.195.519.083
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.805.048.346	2.499.747.081
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.803.777.765	2.499.083.819
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	16.133.261.292	18.466.969.297
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	17.069.169.551	15.588.702.463
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.915.932.015	7.852.614.341
11. Thu nhập khác	31	VI.8	3.226.424.416	1.078.446.346
12. Chi phí khác	32	VI.9	284.955.694	77.966.600
13. Lợi nhuận khác	40		2.941.468.722	1.000.479.746
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.857.400.737	8.853.094.087
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.450.962.441	1.854.796.077
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.406.438.296	6.998.298.010

Nguyễn Ngọc Phương Nga
Người lập

Võ Công Thỏa
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Nga
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.857.400.737	8.853.094.087
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	4.558.294.218	8.283.382.777
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(871.364.471)	206.152.990
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.5, VI.4,8	(575.820.930)	(292.892.568)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	1.803.777.765	2.499.083.819
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.772.287.319	19.548.821.105
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.081.298.486)	(516.500.621)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(2.318.950.500)	1.081.690.508
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.860.339.062	(1.804.220.273)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	(7.241.281.622)	3.252.528.010
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(1.803.777.765)	(2.499.083.819)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(4.246.236.196)	(1.041.999.940)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.941.081.812	18.021.234.970
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(30.076.204.005)	(9.031.518.707)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	603.272.728	11.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(1.200.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	371.272.321	281.830.546
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.301.658.956)	(8.837.869.979)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	160.805.729.951	108.378.716.592
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(140.473.460.182)	(124.175.133.473)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		20.332.269.769	(15.796.416.881)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.971.692.625	(6.613.051.890)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.849.629.868	9.462.681.758
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.821.322.493	2.849.629.868

Nguyễn Ngọc Phương Nga
Người lập

Võ Công Thỏa
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Nga
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận năm nay tăng so với năm trước chủ yếu do sản lượng và giá bán tăng.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có đơn vị trực thuộc là không có tư cách pháp nhân là Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa – Chi nhánh Miền Bắc – tại địa chỉ LK 33+35, Louis V-KĐT mới Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chi nhánh không có tư cách pháp nhân, hạch toán báo sổ.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 198 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 198 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua (ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh).
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu. Công ty chỉ sở hữu chứng khoán chưa niêm yết, thời điểm ghi nhận là thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí phát triển thương hiệu nhãn hàng Vikoda, chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đánh Thạnh, chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu, chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí phát triển thương hiệu nhãn hàng Vikoda

Chi phí phát triển thương hiệu nhãn hàng Vikoda được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đánh Thạnh

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đánh Thạnh với thời gian 20 năm được chia thành 10 lần nộp kể từ ngày cấp phép, chi phí trả trước mỗi lần nộp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng tương ứng thời gian khai thác.

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu chưa được phân bổ do chưa bắt đầu khai thác.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp doanh thu đã được ghi nhận từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	57.956.662	190.158.610
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.763.365.831	2.659.471.258
Cộng	5.821.322.493	2.849.629.868

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu	74.600.000.000		74.600.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hoa Sen Việt Nam	36.600.000.000	-	36.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam	38.000.000.000	-	38.000.000.000	-
Cộng	74.600.000.000	-	74.600.000.000	-

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	6.100.000.000	6.100.000.000	6.100.000.000	6.100.000.000
Cộng	6.100.000.000	6.100.000.000	6.100.000.000	6.100.000.000

Công ty đã dùng toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18b).

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	67.260.031.250	-	66.060.031.250	-
Cộng	67.260.031.250	-	66.060.031.250	-

Trong năm Công ty mua thêm 120.000 cổ phiếu nâng số lượng cổ phiếu nắm giữ từ 2.945.000 cổ phiếu lên thành 3.065.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10,22% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VKD	-	154.173.429
Trạm Phương Cầu	536.090.749	536.090.749
Các khách hàng khác	1.894.208.714	2.695.606.979
Cộng	2.430.299.463	3.385.871.157

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tự động hóa Nam Tiến Phát	2.092.592.891	623.700.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thép Hoàng Việt	1.852.948.440	-
Công ty TNHH Chế tạo máy và Công nghệ Atech	730.400.000	730.400.000
Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Công nghệ Việt Á	-	1.536.141.420
Công ty Cổ phần Cơ khí Tân Minh	-	434.403.000
Các nhà cung cấp khác	2.967.381.096	907.115.544
Cộng	7.643.322.427	4.231.759.964

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	68.186.013.696	-	65.475.328.767	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam ⁽ⁱ⁾	68.186.013.696	-	65.475.328.767	-
- Tiền hợp tác đầu tư	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
- Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư	8.186.013.696	-	5.475.328.767	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.115.694.484	(56.196.411)	595.558.892	(56.196.411)
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	197.538.902	-	216.263.021	-
Tạm ứng	66.266.947	-	83.195.065	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	227.913.891	-	211.913.891	-
Các khoản phải thu khác	623.974.744	(56.196.411)	84.186.917	(56.196.411)
Cộng	69.301.708.180	(56.196.411)	66.070.887.661	(56.196.411)

(i) Khoản hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam có thời hạn 12 tháng, lãi suất cố định tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm là 6,5%/năm, hợp đồng được gia hạn đến ngày 23/12/2025.

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ ký cược dài hạn của Công ty TNHH Grab.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.413.806	989.664
Phải thu tiền bán hàng	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	22.816.717	7.127.777	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	21.402.911	10.701.456
Phải thu tiền bán hàng	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	66.020.484	19.806.145
Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.939.488.130	-	Trên 3 năm	2.829.828.009	-
Trả trước cho người bán	Trên 3 năm	84.365.478	-	Trên 3 năm	84.365.478	-
Phải thu ngắn hạn khác	Trên 3 năm	56.196.411	-	Trên 3 năm	56.196.411	-
Cộng		2.102.866.736	7.127.777		3.059.227.099	31.497.265

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.027.729.834	2.821.576.845
Trích lập dự phòng bổ sung	23.111.044	206.152.989
Xử lý xóa sổ	(955.101.919)	-
Số cuối năm	2.095.738.959	3.027.729.834

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.992.110.592	(60.626.404)	10.235.970.585	-
Công cụ, dụng cụ	2.365.393.730	-	432.362.029	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ⁽ⁱ⁾	1.641.711.260	-	1.647.633.621	-
Thành phẩm	2.874.605.069	-	4.238.903.916	-
Cộng	18.873.820.651	(60.626.404)	16.554.870.151	-

(i) Trong đó, chi phí thực hiện dự án Chung cư F.I.T Tower Nha Trang là 1.636.363.636 VND (xem thuyết minh số IX.1).

Giá trị nguyên vật liệu tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại ngày kết thúc năm tài chính là 60.626.404 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	60.626.404	-
Số cuối năm	60.626.404	-

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18b).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển thương hiệu nhãn hàng Vikoda	-	437.530.126
Công cụ, dụng cụ	423.426.434	43.483.666
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.227.575.476	3.883.334
Cộng	1.651.001.910	484.897.126

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	17.673.007.618	9.142.418.338
Chi phí phát triển thương hiệu nhãn hàng Vikoda	2.133.474.325	5.074.681.061
Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đảnh Thanh ⁽ⁱ⁾	7.325.094.750	6.978.344.250
Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu	5.722.762.000	5.098.612.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.905.733.881	2.390.840.087
Cộng	34.760.072.574	28.684.895.736

(i) Quyền khai thác khoáng sản mỏ Đảnh Thanh được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18b).

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	34.489.909.920	96.197.099.431	8.283.649.001	5.267.390.195	144.238.048.547
Đầu tư xây dựng hoàn thành	4.671.053.486	18.679.988.223	4.568.171.778	667.265.786	28.586.479.273
Thanh lý	(202.100.000)	(6.351.478.454)	(890.000.000)	(336.901.819)	(7.780.480.273)
Số cuối năm	38.958.863.406	108.525.609.200	11.961.820.779	5.597.754.162	165.044.047.547
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	31.361.648.304	84.067.815.853	3.922.838.455	862.404.909	120.214.707.521
Chờ thanh lý	-	1.753.212.477	-	-	1.753.212.477
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	31.665.961.898	91.113.683.024	6.307.181.591	1.359.160.190	130.445.986.703
Khấu hao trong năm	777.333.177	2.032.407.112	792.581.559	692.365.187	4.294.687.035
Thanh lý	(202.100.000)	(6.351.478.454)	(890.000.000)	(336.901.819)	(7.780.480.273)
Số cuối năm	32.241.195.075	86.794.611.682	6.209.763.150	1.714.623.558	126.960.193.465
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.823.948.022	5.083.416.407	1.976.467.410	3.908.230.005	13.792.061.844
Số cuối năm	6.717.668.331	21.730.997.518	5.752.057.629	3.883.130.604	38.083.854.082
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 15.559.215.646 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.18).

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.581.643.083	1.318.035.900	263.607.183
Khấu hao trong năm		263.607.183	
Số cuối năm	1.581.643.083	1.581.643.083	-
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	1.581.643.083		

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	506.830.896	17.819.396.068	(16.414.459.307)	1.911.767.657
Xây dựng cơ bản dở dang	835.341.865	-	-	835.341.865
Dự án Nhà máy Nước khoáng Suối Dầu ⁽ⁱ⁾	682.356.410	-	-	682.356.410
Giếng Suối Dầu	91.376.364	-	-	91.376.364
Dự án Chung cư F.I.T Tower Nha Trang ⁽ⁱⁱ⁾	61.609.091	-	-	61.609.091
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	12.172.019.966	(12.172.019.966)	-
Cộng	1.342.172.761	29.991.416.034	(28.586.479.273)	2.747.109.522

(i) Chi phí khảo sát, đo đạc, thăm tra hồ sơ, xây dựng tường rào, nhà bảo vệ để khai thác mở nước khoáng Suối Dầu. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang phối hợp cùng cơ quan chức năng thực hiện hoàn tất các thủ tục giải tỏa khu đất.

(ii) Xem thuyết minh số V.17a.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	903.440.414	3.105.462.116
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	903.440.414	3.105.462.116
Phải trả các nhà cung cấp khác	14.748.716.922	15.451.890.208
Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam	1.535.100.000	1.536.813.600
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa số 2	2.073.077.963	3.313.842.849
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa tại Tây Ninh	1.929.049.992	2.580.718.428
Các nhà cung cấp khác	9.211.488.967	8.020.515.331
Cộng	15.652.157.336	18.557.352.324

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VKD	10.762.027.121	-
Các khách hàng khác	605.992.156	243.793.487
Cộng	11.368.019.277	243.793.487

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	446.103.546	3.251.349.500	(3.697.453.046)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.346.236.195	4.450.962.441	(4.246.236.196)	1.550.962.440
Thuế thu nhập cá nhân	53.713.816	401.773.483	(371.645.015)	83.842.284
Thuế tài nguyên	157.968.700	2.548.729.800	(2.491.763.900)	214.934.600
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	273.795.779	(273.795.779)	-
Lệ phí môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Các loại thuế khác	14.517.000	254.490.000	(249.273.000)	19.734.000
Cộng	2.018.539.257	11.185.101.003	(11.334.166.936)	1.869.473.324

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Năm 2024, thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.857.400.737	8.853.094.087
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	397.411.473	420.886.301
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	22.254.812.221	9.273.980.388
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.450.962.441	1.854.796.077

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên theo đơn giá và thuế suất theo Quyết định 30/2023/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa như sau:

	Đơn giá (VND)	Thuế suất
Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên dùng để đóng chai, đóng hộp chất lượng trung bình (so với tiêu chuẩn đóng chai phải lọc bỏ một số hợp chất để hợp quy với Bộ Y tế)	325.000	10%
Nước thiên nhiên dùng mục đích khác (Sử dụng nước dưới đất)	5.000	8%

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Đơn giá thuê đất (VND/m ²)
- Thửa đất tiếp giáp đường 23/10, đoạn từ Thống Nhất đến Chấn đường sắt: đường loại 2, vị trí 1, hệ số đường 0,75	Số 199 đường 23/10, phường Phương Sơn, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	233,2	360.000
- Thửa đất tiếp giáp Hương lộ 62, xã Diên Tân, đoạn từ giáp ranh xã Diên Thọ đến giáp ranh nhà bà Phan Thị Đây	Khu vực nhà máy Khu vực mỏ khai thác	101.317 223.948	1.521 608
- Thửa đất tiếp giáp đường 23/10, đoạn từ bệnh viện Diên Khánh đến Ngã ba Cải lộ tuyến, thị trấn Diên Khánh	Đường 23/10, tổ dân phố 8, thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	132,4	55.162

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Quỹ lương còn phải trả cho người lao động và người quản lý.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nhận diện thương hiệu	3.782.278.240	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	717.063.605	551.834.408
Cộng	4.499.341.845	551.834.408

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	32.201.542	31.655.612
Bảo hiểm xã hội	60.125.935	-
Bảo hiểm y tế	445.410	-
Bảo hiểm thất nghiệp	48.280	-
Phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽ⁱ⁾	9.000.000.000	9.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	207.195.327	198.616.814
Cộng	9.300.016.494	9.230.272.426

⁽ⁱ⁾ Là khoản tiền nhận từ Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam theo hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/HTĐT/2018 ngày 09/5/2018 giữa Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa và Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam về việc hợp tác đầu tư thực hiện dự án chung cư F.I.T Tower Nha Trang trên lô đất tại số 28 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (xem thuyết minh số VIII.1).

17b. Phải trả dài hạn khác

Tiền nhận ký quỹ, ký cược bao bì dài hạn, chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VKD	5.109.495.286	5.109.495.286
Các khách hàng khác	3.797.479.315	5.295.815.144
Cộng	8.906.974.601	10.405.310.430

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh (Agribank Diên Khánh) ⁽ⁱ⁾	21.058.263.472	6.673.209.460
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (Vietcombank Khánh Hòa) ⁽ⁱⁱ⁾	22.438.537.687	24.484.759.559
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	4.000.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh (Agribank Diên Khánh)	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (Vietcombank Khánh Hòa)	2.000.000.000	-
Cộng	47.496.801.159	31.157.969.019

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay theo hợp đồng số 4703-LAV-202400709 ngày 18 tháng 6 năm 2024 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nước khoáng với hạn mức tín dụng 25.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cho đến hết ngày 18 tháng 6 năm 2025. Thời hạn vay không quá 05 tháng và lãi suất tiền vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

- (ii) Khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số 2024/HM-VIKODA ngày 11 tháng 9 năm 2024 với hạn mức tín dụng 30.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay không quá 04 tháng và lãi suất tiền vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Khoản vay này và khoản vay dài hạn tại Vietcombank Khánh Hòa có cùng tài sản thế chấp (xem thuyết minh số V.18b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.157.969.019	151.572.292.322	-	(139.233.460.182)	43.496.801.159
Agribank Diên Khánh	6.673.209.460	80.021.649.639	-	(65.636.595.627)	21.058.263.472
Vietcombank Khánh Hòa	24.484.759.559	71.550.642.683	-	(73.596.864.555)	22.438.537.687
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Agribank Diên Khánh	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Vietcombank Khánh Hòa	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	31.157.969.019	151.572.292.322	4.000.000.000	(139.233.460.182)	47.496.801.159

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh (Agribank Diên Khánh) ⁽ⁱ⁾	2.320.302.629	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (Vietcombank Khánh Hòa) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.673.135.000	-
Cộng	3.993.437.629	-

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay theo hợp đồng số 4703-LAV-202400710 ngày 18 tháng 6 năm 2024 để thanh toán tiền thi công son nền xưởng Vikoda với hạn mức tín dụng 10.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất tiền vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Khoản vay theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2024/TDH-VIKODA ngày 11 tháng 9 năm 2024 với hạn mức tín dụng 9.600.000.000 VND để bổ sung đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất tiền vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Khoản vay này và khoản vay ngắn hạn tại Vietcombank Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a) được đảm bảo thanh toán bằng cầm cố bằng toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b), hàng hóa tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh được để tại kho hàng tại Thôn Cây Sung, Xã Diên Tân, Huyện Diên Khánh, Khánh Hòa và các kho khác do công ty quản lý (xem thuyết minh V.7), Quyền khai thác tài nguyên khoáng sản (xem thuyết minh số V.8b) và một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9)

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	4.000.000.000	-
Trên 01 năm đến 05 năm	3.993.437.629	-
Cộng	7.993.437.629	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang nợ ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Agribank Diên Khánh	-	5.320.302.629	(2.000.000.000)	(1.000.000.000)	2.320.302.629
Vietcombank Khánh Hòa	-	3.913.135.000	(2.000.000.000)	(240.000.000)	1.673.135.000
Cộng	-	9.233.437.629	(4.000.000.000)	(1.240.000.000)	3.993.437.629

18c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	124.999.880.000	(538.200)	13.107.165.852	59.074.073.992	197.180.581.644
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	6.998.298.010	6.998.298.010
Số dư cuối năm trước	124.999.880.000	(538.200)	13.107.165.852	66.072.372.002	204.178.879.654
Số dư đầu năm nay	124.999.880.000	(538.200)	13.107.165.852	66.072.372.002	204.178.879.654
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	17.406.438.296	17.406.438.296
Số dư cuối năm nay	124.999.880.000	(538.200)	13.107.165.852	83.478.810.298	221.585.317.950

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 124.999.880.000 VND, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần FIT Consumer	119.414.560.000	119.414.560.000
Các cổ đông khác	5.585.320.000	5.585.320.000
Cộng	124.999.880.000	124.999.880.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.499.988	12.499.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.499.988	12.499.988
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.499.988	12.499.988

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền chỉ có 5.352,83 USD (số đầu năm là 0 USD).

20b. Nợ khó đòi đã xử lý

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nợ khó đòi đã xử lý là 955.101.919 VND (số đầu năm là 0 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	22.497.480	771.625.699
Doanh thu bán thành phẩm	213.551.790.630	191.522.864.533
Doanh thu cho thuê tài sản	944.727.275	930.545.460
Cộng	214.519.015.385	193.225.035.692

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	453.229.095
Hàng bán bị trả lại	-	10.642.238
Cộng	-	463.871.333

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.266.115	768.249.005
Giá vốn của thành phẩm đã bán	164.779.946.475	153.780.401.255
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	60.626.404	-
Cộng	164.858.838.994	154.548.650.260

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	352.548.202	281.074.386
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư	3.910.684.929	5.371.024.697
Chiết khấu thanh toán	-	540.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.682	3.420.000
Cộng	4.263.234.813	6.195.519.083

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.803.777.765	2.499.083.819
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.270.581	663.262
Cộng	1.805.048.346	2.499.747.081

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.596.327.257	2.454.373.889
Chi phí vật liệu, bao bì	4.109.803.001	14.302.911.027
Chi phí khấu hao tài sản cố định	393.889.412	226.634.780

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	508.986.391	769.650.981
Các chi phí khác	8.524.255.231	713.398.620
Cộng	16.133.261.292	18.466.969.297
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.571.186.351	7.087.033.751
Chi phí vật liệu quản lý	876.624.182	416.311.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	996.140.596	825.740.860
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	23.111.044	206.152.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	830.679.127	703.473.956
Các chi phí khác	6.771.428.251	6.349.989.654
Cộng	17.069.169.551	15.588.702.463
8. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	223.272.728	11.818.182
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	1.440.140.829	-
Thu nhập bán phế liệu, phế phẩm	1.279.740.681	924.871.483
Thu nhập khác	283.270.178	141.756.681
Cộng	3.226.424.416	1.078.446.346
9. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển	54.705.985	51.941.520
Chi phí bán phế liệu, phế phẩm	97.204.529	9.892.169
Thuế bị phạt, bị truy thu	48.243.311	4.434.386
Các khoản chi phí khác	84.801.869	11.698.925
Cộng	284.955.694	77.966.600
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.007.831.673	128.288.753.356
Chi phí nhân công	28.477.788.449	27.147.223.354
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.558.294.218	8.283.382.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.905.922.081	13.991.384.005
Chi phí dự phòng	23.111.044	206.152.990
Chi phí khác	16.885.486.625	8.455.295.498
Cộng	197.858.434.090	186.372.191.980

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.640.570.739	2.890.241.420
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.155.665.144	490.123.796

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Công ty và Công ty TNHH Kinh doanh thương mại TĐN Việt Nam đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTĐT/2018 ngày 09/5/2018 để thực hiện dự án chung cư F.I.T Tower Nha Trang trên lô đất tại số 28 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Giá trị thương quyền mà Công ty được nhận khi thực hiện dự án là 9.000.000.000 VND đang được ghi nhận là khoản phải trả (xem thuyết minh số V.17a), các chi phí phát sinh cho dự án đang được ghi nhận tại khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 1.636.363.636 VND (xem thuyết minh số V.7) và chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 61.609.091 VND (xem thuyết minh số V.11). Tuy nhiên, dự án không thể thực hiện được do lô đất này đã bị thu hồi theo quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tại thời điểm lập Báo cáo này, hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên chưa được thanh lý. Công ty chưa xác định được liệu Công ty có phải gánh chịu khoản chi phí nào do dự án không thể thực hiện được hay không.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng), các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		132.000.000	132.000.000
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024)	13.416.667	42.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024)	28.583.333	-
Ban Tổng Giám đốc		1.975.972.500	1.358.771.200
Bà Nguyễn Thị Nga	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2023)	1.207.440.000	420.600.000
Bà Phan Thị Hòa	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2023)	-	32.500.000
Bà Nguyễn Thạch Thảo	Giám đốc tài chính (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024)	359.064.500	425.927.500
Ông Lê Việt Cường	Giám đốc tài chính (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2023)	-	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023)	-	115.155.700
Ông Trần Văn Phú	Giám đốc điều hành sản xuất	409.468.000	334.588.000
Ban Kiểm soát		66.000.000	66.600.000
Bà Trịnh Thị Hường	Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2023)	30.000.000	24.650.000
Bà Phạm Thị Bích Đào	Thành viên	18.000.000	18.150.000
Bà Trần Thanh Huyền	Thành viên	18.000.000	9.750.000
Bà Ngô Thu Trang	Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2022)	-	7.800.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2022)	-	6.250.000
Cộng		2.173.972.500	665.974.350

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty mẹ của Công ty Cổ phần FIT Consumer
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín	Cùng chung Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC – Sài Gòn
Công ty Cổ phần F.I.T Cosmetics

Mối quan hệ

Cùng chung Công ty mẹ
Cùng chung Công ty mẹ
Cùng chung Công ty mẹ
Cùng chung Công ty mẹ
Cùng chung Công ty mẹ
Cùng chung Công ty mẹ
Cùng chung Công ty mẹ
Công ty có liên quan với thành viên
HĐQT, thành viên BKS

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Chi phí tư vấn phải trả	1.642.619.116	3.372.494.876
Chi phí thuê văn phòng phải trả	417.898.854	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	3.910.684.929	5.371.027.397
Công ty góp vốn đầu tư	1.200.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.5a và V.12.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Nguyễn Ngọc Phương Nga
Người lập

Võ Công Thỏa
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga
Tổng Giám đốc